

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD 5 NĂM (2011÷2015)

KẾ HOẠCH SXKD 5 NĂM (2016÷2020)

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU NHIỆM VỤ 5 NĂM (2011 ÷ 2015)

1. Các mặt thuận lợi và khó khăn của giai đoạn 2011÷2015

a, Các mặt thuận lợi

- Sự hội nhập của kinh tế đất nước với nền kinh tế khu vực và trên thế giới với việc tham gia vào các tổ chức thương mại thế giới đã tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty cổ phần Sông Đà 2 nói riêng trong quá trình nắm bắt được các cơ hội kinh doanh mới.

- Uy tín và thương hiệu về chất lượng sản phẩm, tiến độ thi công các công trình của Tổng công ty Sông Đà nói chung và Công ty cổ phần Sông Đà 2 nói riêng không ngừng phát triển và được khẳng định.

- Luôn có sự chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Sông Đà.

- Công ty đã chủ động tiếp thị tìm kiếm việc làm trong giai đoạn năm 2011 – 2015 và đã ký kết các hợp đồng thi công như: Dự án Khu đô thị Phú Lương, Thi công hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Orange Garden, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Hồ Xương Rồng do Công ty làm chủ đầu tư, Gói thầu A4 Dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, Khu tái định cư Số 4 Mộc Châu – Sơn La, điểm thông quan Gia Lâm - Hà Nội, Dự án nâng cấp và cải tạo Quốc lộ 18, Dự án Quốc lộ 51, Gói thầu số 9 dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Phú Yên, Dự án đường cao tốc Hà nội – Lào Cai, Dự án Nam An Khánh,... Để tạo thêm việc làm và tăng hiệu quả SXKD Công ty đã triển khai đầu tư và thực hiện đầu tư một số dự án như Khu đô thị Hồ Xương Rồng - TP Thái Nguyên, Dự án Khu đô thị mới Phú Lương và một số dự án khác. Bên cạnh đó, được sự tin nhiệm của Tổng công ty Sông Đà, đơn vị đã được Tổng Công ty giao thi công tại các công trình: Thủy điện Bản Vẽ; thủy điện Lai Châu, thủy điện Hà Tây, thủy điện Hương Sơn, Sản xuất cát đá nhân tạo phục vụ thi công công trình Thủy điện Xekaman 1, Thi công gói thầu số 4 thuộc Dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi...

b, Các mặt khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi Đơn vị cũng gặp không ít khó khăn, thách thức như:

- Trong giai đoạn từ năm 2011-2013, tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động bất lợi như lạm phát, lãi suất tín dụng cao, việc tiếp cận các nguồn vốn rất khó khăn; Mặt khác, Nhà nước áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ để kiểm chế lạm phát nên Chủ đầu tư các dự án khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn giải ngân cho các công trình dẫn đến giá trị dở dang lớn của Công ty làm ảnh hưởng không tốt đến nguồn vốn cho SXKD của Công ty. Trong giai đoạn từ năm 2014 đến 2015, nền kinh tế trong nước đang dần được ổn định, lạm phát được kiểm soát, nền kinh tế phục hồi và phát triển tuy nhiên tốc độ phục hồi còn chậm và đặc biệt là thị trường bất động sản còn trầm lắng.

- Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong cùng một lĩnh vực ngày càng gay gắt, đòi hỏi Công ty phải không ngừng nỗ lực phấn đấu vươn lên.

- Địa bàn hoạt động của Công ty rộng, nhiều công trường ở xa dẫn đến Công ty gặp khó khăn trong quản lý điều hành và chi phí quản lý tăng cao.

2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch 5 năm (2011 ÷ 2015):

TT	Chỉ tiêu thực hiện	Đơn vị tính	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Thực hiện 2011-2015		
			KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	TH/KH
1	Tổng GTSX	Tỷ đ	636	618	665	570	580	633	670	668	695	757	3.246	3.246	100%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đ	587	546	657	537	588	561	641	644	655	694	3.129	2.982	95%
3	Nộp ngân sách	Tỷ đ	46	43	44	34	36	33	35	29	29	25	189	164	87%
4	Lợi nhuận	Tỷ đ	48	44	47	26	35	23	28	12	21	16	178	120	68%
5	Thu nhập bình quân	Tr.đ	4,63	4,73	5,23	5,23	5,13	5,28	5,56	5,42	5,64	5,74	5,24	5,28	101%
6	Tổng số CBCNV	Ng	1.432	1.296	1.254	1.184	1.400	1.210	1.518	1.019	1.295	1.488	1.380	1.239	90%
7	Giá trị đầu tư	Tỷ đ	553	258	268	120	150	52	150	125	196	113	1.316	668	51%

3. Cơ cấu ngành nghề trong giá trị SXKD giai đoạn (2011 ÷ 2015)

- Giá trị kinh doanh xây lắp chiếm khoảng 60% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh. Trong cơ cấu sản phẩm xây lắp Công ty dần chuyển sang lĩnh vực sản xuất chính theo chiến lược kinh doanh đã được phê duyệt là: xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị, công nghiệp.

- Giá trị sản xuất Công nghiệp và phục vụ xây lắp chiếm khoảng 10% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

- Giá trị kinh doanh bất động sản và các dịch vụ khác hàng năm chiếm khoảng 20-30% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

4. Thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu

- Đã xây dựng chiến lược kinh doanh giai đoạn năm 2014 ÷ 2017, tầm nhìn đến năm 2020 và đã được Tổng Công ty Sông Đà thông qua.

- Trên cơ sở kế hoạch SXKD 5 năm (2011÷2015) Ban lãnh đạo Công ty đã tiến hành sắp xếp lại lực lượng lao động từ Công ty đến từng đơn vị trực thuộc, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phù hợp với nhiệm vụ SXKD của Công ty:

+ Đã hoàn thành công tác sáp nhập Công ty cổ phần CTGT Sông Đà thành công ty con và đổi tên thành Công ty TNHH MTV CTGT Sông Đà theo Đề án tái cấu trúc được Tổng công ty Sông Đà thông qua;

+ Đã thực hiện rà soát cơ cấu tổ chức từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc trong đó: Thành lập mới Xí nghiệp Sông Đà 2.03, Ban Kiểm soát nội bộ; tiến hành sáp nhập Ban Tổ chức hành chính và Ban Tài chính kế toán tại các Chi nhánh, Xí nghiệp;

+ Đã sắp xếp lại các Chi nhánh, Xí nghiệp trực thuộc để phù hợp với tình hình SXKD của Công ty: Sáp nhập Chi nhánh Sông Đà 209 vào Chi nhánh Sông Đà 208; củng cố và bổ sung bộ máy quản lý, lãnh đạo từ các Ban quản lý dự án đến phòng ban Công ty và các Chi nhánh trực thuộc trên cơ sở giao quyền chủ động gắn với trách nhiệm và hiệu quả công việc; Sáp nhập Chi nhánh Sông Lô vào Chi nhánh Trung Mầu; Hoàn thành việc đổi tên các phòng chức năng công ty phù hợp với chức năng nhiệm vụ theo mô hình tổ chức đã được Tổng công ty phê duyệt và Chiến lược kinh doanh của Công ty;

- Công ty đã từng bước thực hiện lộ trình thoái vốn các khoản đầu tư tài chính và các dự án đã được Tổng Công ty Sông Đà thông qua.

- Công ty đã hoàn thành nhiều quy chế, quy định phục vụ công tác quản trị, điều hành của Công ty như: Quy chế xây dựng, quản lý và báo cáo thực hiện kế hoạch; Phân cấp quản lý tài chính, hạch toán kinh doanh; Quản lý và sử dụng xe con; Tổ chức và hoạt động của HĐQT; Phân cấp quản lý và thực hiện Hợp đồng,...

- Công ty đã thu hút được nguồn kỹ sư trẻ được đào tạo chính quy tại các trường Đại học Xây dựng, Giao thông vận tải,... để tăng cường đội ngũ cán bộ cho các Chi nhánh, Xí nghiệp. Triển khai hợp tác đào tạo và tuyển dụng đội ngũ công nhân lành nghề với các Trường dạy nghề.

- Công ty đã đảm bảo công ăn việc làm với thu nhập ổn định cho người lao động, chi trả tiền lương và các chế độ cho người lao động kịp thời và đúng quy định.

- Công ty đã cơ bản hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước như Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; bảo toàn và phát huy vốn chủ sở hữu, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, thực hiện nhiệm vụ SXKD đúng với các quy định của Pháp luật.

II. KẾ HOẠCH SXKD 5 NĂM (2016÷2020)

1. Cơ sở xây dựng kế hoạch SXKD 5 năm

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời gian tới cũng như chính sách mở rộng hợp tác hội nhập kinh tế quốc tế;

- Định hướng chung của Tổng Công ty Sông Đà;

- Các Nghị quyết đại hội Đảng cộng sản Việt Nam khóa XII, Nghị quyết đại hội Đảng bộ Tổng Công ty Sông Đà khóa XII, Nghị quyết đại hội Đảng bộ Công ty CP Sông Đà 2 khóa VIII (2016÷2020);

- Chiến lược kinh doanh giai đoạn năm 2014÷ 2017 tầm nhìn đến 2020 đã được Tổng Công ty Sông Đà thông qua;

- Năng lực, kinh nghiệm của Công ty và kết quả thực hiện SXKD 5 năm giai đoạn 2011÷2015;

- Thị trường việc làm lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu 5 năm (2016-2020):

TT	Chỉ tiêu thực hiện	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2015	KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ 2016-2020										Kết quả nhiệm kỳ 2011-2015	Tăng trưởng so với nhiệm kỳ trước	
				Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020				Tổng cộng
				Kế hoạch	Tăng trưởng	Kế hoạch	Tăng trưởng	Kế hoạch	Tăng trưởng	Kế hoạch	Tăng trưởng	Kế hoạch	Tăng trưởng			
1	Tổng GTSX	Tỷ đ	757	768	101%	800	104%	880	110%	970	110%	1.100	113%	4.518	3.246	139%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đ	694	703	101%	742	106%	816	110%	899	110%	1.020	113%	4.180	2.982	140%
3	Nộp ngân sách	Tỷ đ	25	26	104%	34	133%	38	110%	41	110%	46	110%	184	164	112%
4	Lợi nhuận	Tỷ đ	16	22	140%	25	115%	28	110%	29	107%	33	110%	137	120	114%
5	Thu nhập bình quân	Tr.đ	5,75	5,85	102%	7,15	122%	7,72	108%	8,34	108%	9,60	115%	7,72	5,28	146%
6	Tổng số CBCNV	Ng	1.488	1.486	100%	1.240	83%	1.270	102%	1.290	102%	1.310	102%	1.319	1.239	106%
7	Giá trị đầu tư	Tỷ đ	113	177	156%	159	90%	145	91%	95	65%	130	137%	706	668	106%

3. Mục tiêu tổng quát kế hoạch SXKD 5 năm (2016 ÷ 2020):

- Xây dựng Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp chuyên sâu và tăng dần thị phần trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng; Có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa & hiện đại hóa đất nước và sự phát triển lớn mạnh của Tổng Công ty Sông Đà.

- Đến năm 2020 tỷ trọng giữa các ngành nghề như sau:

+ Giá trị kinh doanh xây lắp chiếm khoảng 70 ÷ 75 % trong tổng giá trị SXKD.

+ Giá trị kinh doanh sản phẩm công nghiệp và dịch vụ xây lắp chiếm khoảng 10 ÷ 15 % trong tổng giá trị SXKD.

+ Giá trị kinh doanh bất động sản và các dịch vụ khác chiếm 10 ÷ 15% trong tổng giá trị SXKD.

+ Giá trị kinh doanh khác chiếm 1 ÷ 5% trong tổng giá trị SXKD.

4. Các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch SXKD 5 năm (2016÷2020).

4.1. Công tác tổ chức, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp

- Hoàn thành sắp xếp lại các Đơn vị trực thuộc và các phòng ban của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ hướng tới tăng sự chủ động và nâng cao trách nhiệm của từng đơn vị, bộ phận quản lý.

- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức sản xuất một cách hợp lý, kịp thời theo tình hình kinh tế từng giai đoạn, từng năm.

- Đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành.

4.2. Công tác xây dựng, ban hành và điều chỉnh các quy chế, quy định quản lý nội bộ

- Kịp thời ban hành mới, sửa đổi một số quy chế, quy định quản lý của Công ty cho phù hợp với điều kiện SXKD trên nguyên tắc tháo gỡ những vướng mắc, rào cản trong quá trình quản lý và điều hành của Công ty.

4.3. Công tác quản lý tổ chức điều hành sản xuất, kinh doanh

- Xây dựng kế hoạch SXKD sát với thực tế và năng lực của Công ty. Việc xây dựng kế hoạch phải chính xác, kịp thời làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ và quản lý sản xuất. Chỉ đạo điều hành sản xuất tại các công trình trọng điểm cần thực hiện một cách khoa học, hợp lý, bám sát các mục tiêu tiến độ, các đường găng của công trình.

- Bổ sung, điều chỉnh kịp thời kế hoạch và các giải pháp SXKD phù hợp với từng giai đoạn thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008, ISO 14001:2005 và OHSAS 18001:2007 trong hoạt động SXKD nhằm chuẩn hóa các quy trình và mang lại hiệu quả, hiệu lực quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm...

- Chấn chỉnh những khâu còn yếu kém trong sản xuất kinh doanh, đổi mới cơ chế phương thức quản lý; tăng cường tính chủ động sáng tạo tự chịu trách nhiệm và nâng cao hiệu quả SXKD của các đơn vị trực thuộc. Xây dựng, ban hành và hoàn thiện các chế tài cụ thể, tăng cường trách nhiệm đối với người đứng đầu các đơn vị.

- Xây dựng và điều chỉnh mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh theo ngành nghề chính, cơ cấu linh hoạt ở các đội, Xí nghiệp và Chi nhánh phù hợp với từng công trình.

4.4. Công tác tiếp thị đấu thầu và mở rộng thị trường

- Tiếp tục hoàn thiện bộ phận đấu thầu, bổ sung, cơ cấu lại bộ phận đấu thầu theo hướng chuyên trách thực hiện tất cả các công việc từ phân tích thị trường, thông tin dự án, đối thủ cạnh tranh; lập hồ sơ năng lực, biện pháp thi công, giá chào thầu.

- Tăng cường liên danh, liên kết với các Tổng công ty, Công ty mạnh trong lĩnh vực giao thông, hạ tầng đô thị, dân dụng để tiếp cận và thực hiện các dự án lớn, công nghệ thi công tiên tiến. Chủ động nắm bắt thông tin kịp thời, liên danh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để đáp ứng yêu cầu về năng lực tham gia các gói thầu có giá trị lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp.

- Công tác mở rộng thị trường:

+ Thị trường xây lắp: Xác định rõ thị trường của đơn vị theo từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh để có chiến lược đầu tư và tiếp thị đấu thầu, đảm bảo nhận thầu thi công những công trình có vốn. Tập trung vào các thị trường mà các Công ty đã có năng lực, sở trường đảm bảo mang lại hiệu quả trong SXKD: xây dựng giao thông, xây dựng dân dụng với các phân khúc hợp lý.

+ Thị trường đầu tư: Tiếp tục tìm kiếm nắm bắt cơ hội đầu tư các dự án kinh doanh đảm bảo hiệu quả phù hợp ngành nghề và định hướng phát triển Công ty...

+ Thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp: Công ty đã đầu tư dây chuyền trạm bê tông thương phẩm, trạm nghiền sàng đá dăm và cát xay 1000T/h, các trạm nghiền đá dăm từ 200-300 T/h, tiến tới đầu tư hoàn chỉnh dây chuyền Asphalt, vì vậy cần tăng cường tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước cho các dây chuyền thiết bị này.

4.5. Công tác Tài chính – Tín dụng

- Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn và đôn đốc công tác hạch toán, cập nhật chứng từ, chi phí kịp thời tại các đơn vị trực thuộc, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

- Làm việc với các ngân hàng, các tổ chức tín dụng nhằm huy động đủ nguồn vốn cho SXKD và cho các công trình, dự án Công ty đang đầu tư. Tăng cường các biện pháp kiểm soát chặt chẽ việc vay và sử dụng vốn lưu động tại các đơn vị trực thuộc, tăng cường công tác thu hồi vốn, đẩy nhanh vòng quay vốn lưu động.

- Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc bổ sung các phương pháp quản lý điều hành và sử dụng vốn hiệu quả.

- Đẩy nhanh công tác nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn từ các công trình, đặc biệt các công trình có giá trị dờ dang lớn.

4.6. Công tác Kinh tế - Chiến lược và quản trị rủi ro

- Xây dựng định mức, đơn giá, chi phí trực tiếp cho từng hạng mục công trình cụ thể, hoàn thành việc xây dựng và ban hành bộ định mức đơn giá nội bộ làm cơ sở cho công tác đấu thầu và giao khoán cho các đơn vị trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tổ chức tốt phân tích hoạt động kinh tế định kỳ để tìm ra những nguyên nhân và có giải pháp khắc phục kịp thời những yếu điểm làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD.

- Tập trung hoàn thiện việc xây dựng các quy trình quản trị rủi ro mong muốn đối với từng lĩnh vực chuyên môn phù hợp; Thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro thống nhất toàn Công ty đảm bảo những rủi ro trong Công ty được quản lý và đánh giá một cách khoa học, thống nhất và hiệu quả trong phạm vi rủi ro chấp nhận được, đồng thời giúp giảm thiểu các thiệt hại khi rủi ro xảy ra trên các mặt của hoạt động nhằm tối ưu hóa các lợi ích, hỗ trợ thực hiện các mục tiêu.

4.7. Công tác đầu tư

- Ưu tiên đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công các công trình theo ngành nghề chính: đầu tư thiết bị thi công, dây chuyền sản xuất theo hướng đồng bộ tiên tiến, hiện đại nhằm thi công những công trình đạt chất lượng cao, nâng uy tín và thương hiệu trong tiếp thị - đấu thầu, chiếm lĩnh thị phần theo các phân khúc định hướng trong xây dựng giao thông, xây dựng dân dụng.

- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực thi công các công trình giao thông như: Trạm trộn bê tông nhựa Asphalt, dây chuyền rải Asphalt ...

- Đầu tư nâng cao năng lực thi công các công trình dân dụng, nhà cao tầng nhằm tăng tỷ trọng xây dựng dân dụng.

- Đối với các Dự án đầu tư bất động sản như Khu đô thị Hồ Xương Rồng và nhà liền kề phường Hữu Nghị TP Hòa Bình: Công ty tiếp tục hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của Dự án và đẩy mạnh công tác bán hàng đảm bảo hiệu quả tối đa của Dự án, đảm bảo nguồn thu ổn định trong suốt 5 năm kế hoạch.

4.8. Công tác quản lý cơ giới

- Khai thác triệt để thiết bị hiện có của Công ty.

- Cân đối nhu cầu xe máy thiết bị thi công tại các công trình và số lượng xe máy thiết bị Công ty hiện có để điều chuyển hợp lý đảm bảo phục vụ SXKD đạt hiệu quả cao.

- Nghiên cứu, thực hiện quy trình quản lý vật tư xe máy có tính hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý xe máy thiết bị.

4.9. Công tác phát triển nguồn nhân lực

- Công ty tập trung tuyển dụng cán bộ kỹ thuật nghiệp vụ và công nhân lành nghề đủ về số lượng và chất lượng, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới.

- Có chính sách đào tạo và tự đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt tập trung đào tạo: Nhân lực quản lý đơn vị cơ sở, dự án, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành trọng điểm, công nhân lành nghề chuyên ngành giao thông, xây dựng dân dụng,

công nghiệp. Đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng xu thế kinh tế thời kỳ hội nhập.

- Tạo nguồn cán bộ quản lý bằng cách gửi các cán bộ trẻ có năng lực đi học các lớp quản lý, bồi dưỡng nghiệp vụ, lý luận tại các trường đại học, học viện, đào tạo ngoại ngữ tại nước ngoài v.v...

- Xây dựng và ban hành chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp để thu hút, duy trì sự ổn định và phát triển lực lượng người lao động làm việc tại Công ty. Tự đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và chuyên môn.

Trên đây là toàn bộ Báo cáo của Tổng giám đốc điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2011÷2015; Phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2016 ÷ 2020. Thay mặt ban Tổng giám đốc điều hành xin kính chúc quý vị đại biểu, các Cổ đông của Công ty cổ phần Sông Đà 2 cùng toàn thể CBCNV Công ty lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Ban TGD, các Phòng Công ty;
- Các CN, XN, Cty con;
- Lưu KTe, TCNS.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Mạnh